

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ
(UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR INTERNATIONAL ECONOMICS
MAJOR)

*(Ban hành theo Quyết định số 503/QĐ-HVCSPT ngày 8 tháng 8 năm 2018
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	72310106
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO :	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo cử nhân đại học ngành Kinh tế quốc tế chuyên ngành Kinh tế đối ngoại có kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý và kiến thức chuyên môn về kinh tế quốc tế, nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và kinh tế học hiện đại; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có khả năng tư duy độc lập và năng lực tự tìm kiếm, bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực tư tưởng chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế, chính sách công, pháp luật và nhà nước cũng như khả năng phân tích, đánh giá và nhìn nhận các vấn đề cơ bản đó trong bối cảnh thực tiễn Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

Trang bị cho người học kiến thức nền tảng cơ bản và các kiến thức chuyên môn về kinh tế thế giới, các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh tế quốc tế, thấy được vai trò và tầm quan trọng của các chủ thể này trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện nay.

Trang bị cho người học hệ thống kiến thức chuyên môn sâu về sự tác động qua lại lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia; phân tích cơ sở và lợi ích của các quan hệ kinh tế quốc tế, bao gồm thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thị trường quốc tế, tài chính quốc tế, luật kinh tế quốc tế và những chính sách định hướng cho các quan hệ đó; nghiên cứu các hình thức và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến việc hoạch định chính sách kinh tế đối ngoại của các quốc gia.

Trang bị các công cụ toán học, thống kê kinh tế, phương pháp luận, ngoại ngữ để người học có thể hiểu, phân tích các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế nói chung

và kinh tế quốc tế nói riêng; trang bị các nghiệp vụ cơ bản để thực hiện các hoạt động kinh tế đối ngoại; rèn luyện các kỹ năng mềm để người học để tăng khả năng thích ứng với các vị trí công việc trong tương lai.

Cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích, hoạch định chính sách và hoạt động quản lý liên quan đến lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia với các nước, khu vực và các tổ chức kinh tế quốc tế.

Cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần chủ động sáng tạo, nhiệt tình, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hợp tác trong thực hiện và tự chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ được giao; có phẩm chất chính trị; tuân thủ pháp luật của Nhà nước.

Cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại khi tốt nghiệp đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển và có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công việc khác nhau:

Nhóm 1 - Chuyên viên tư vấn, phân tích chính sách về kinh tế quốc tế: Có đủ năng lực làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội từ trung ương đến địa phương; có thể đảm nhận các công việc cụ thể: phân tích thực trạng, đánh giá tác động của các hoạt động đầu tư quốc tế, thương mại quốc tế, chính sách kinh tế đối ngoại...;

Nhóm 2 - Cán bộ dự án: Có đủ năng lực làm việc tại các dự án phát triển, các tổ chức quốc tế liên quan đến lĩnh vực kinh tế đối ngoại;

Nhóm 3 - Nghiên cứu viên và giảng viên: Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận được các công việc cụ thể: giảng dạy các môn liên quan đến Kinh tế học, Kinh tế quốc tế; nghiên cứu, tư vấn về đầu tư quốc tế, thương mại quốc tế, tài chính quốc tế...; triển vọng trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia nghiên cứu, giảng viên và cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục đào tạo và cơ sở nghiên cứu.

Nhóm 4 - Nhân viên trong khu vực doanh nghiệp: Có khả năng làm việc tại bộ phận kinh doanh xuất nhập khẩu, đối ngoại, marketing... của các doanh nghiệp có giao dịch với các đối tác nước ngoài, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, các khu công nghiệp...

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Về kiến thức

a. Kiến thức cơ bản

1. (KT1) Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thể giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;

2. (KT2) Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh;

3. (KT3) Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu;

4. (KT4) Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách;

5. (KT5) Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

b. Kiến thức chuyên sâu

6. (KT6) Nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về thương mại quốc tế bao gồm các lý thuyết về trao đổi quốc tế về hàng hóa, lý thuyết về lợi thế so sánh, các nguyên tắc, công cụ, các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực thương mại quốc tế. Đánh giá, phân tích được và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực thương mại quốc tế ở cấp độ quốc gia, siêu quốc gia và doanh nghiệp;

7. (KT7) Nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về đầu tư quốc tế bao gồm các lý thuyết về di chuyển quốc tế về vốn, các nguyên tắc, công cụ của đầu tư trực tiếp nước ngoài, đầu tư gián tiếp. Đánh giá, phân tích được và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực đầu tư vào và ra ở cấp độ quốc gia, siêu quốc gia và doanh nghiệp;

8. (KT8) Hiểu và có kiến thức chuyên môn sâu về thị trường quốc tế; có khả năng vận dụng các kiến thức marketing quốc tế vào giải quyết các vấn đề kinh doanh quốc tế;

9. (KT9) Nắm vững và có kiến thức chuyên môn về tài chính quốc tế quốc tế, các vấn đề tỷ giá, ngoại hối; có thể vận dụng các kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn;

10. (KT10) Có kiến thức chuyên môn sâu về luật kinh tế quốc tế, về đàm phán kinh tế quốc tế, đánh giá và phân tích, ứng dụng được các kiến thức này vào hỗ trợ, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn;

11. (KT11) Hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích chính sách kinh tế đối ngoại, kinh tế quốc tế;

12. (KT12) Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình hoạch định chính sách kinh tế, kinh tế quốc tế;

13. (KT13) Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế đối ngoại để tham gia vào quá trình hoạt động quản lý liên quan đến lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia với các nước, khu vực, các tổ chức quốc tế.

2.2. Về kỹ năng

a. Kỹ năng nghề nghiệp

14. (KN1) Khả năng làm việc trong các ngành nghề khác nhau trong lĩnh vực kinh tế quốc tế;

15. (KN2) Sẵn sàng thích ứng khi thay đổi vị trí công tác hoặc công việc hay môi trường làm việc;

b. Kỹ năng mềm

16. (KN3) Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo;

17. (KN4) Có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế;

18. (KN5) Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

2.3. Năng lực tự chủ về chịu trách nhiệm

19. (NL1) Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;

20. (NL2) Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:	3,5 - 4 năm
5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:	133 tín chỉ
6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:	Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
8. THANG ĐIỂM:	Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

9. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<i>9.1. Kiến thức Giáo dục đại cương:</i>	<i>45 tín chỉ (chiếm 33,83%)</i>
<i>9.2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:</i>	<i>32 tín chỉ (chiếm 24,06%)</i>
<i>9.3. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn:</i>	<i>04 tín chỉ (chiếm 3,01%)</i>
<i>9.4. Kiến thức ngành bắt buộc:</i>	<i>09 tín chỉ (chiếm 6,77%)</i>
<i>9.5. Kiến thức ngành lựa chọn:</i>	<i>04 tín chỉ (chiếm 3,01%)</i>
<i>9.6. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc:</i>	<i>27 tín chỉ (chiếm 20,30%)</i>
<i>9.7. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn:</i>	<i>06 tín chỉ (chiếm 4,51%)</i>
<i>9.8. Kiến thức khóa luận tốt nghiệp:</i>	<i>06 tín chỉ (chiếm 4,51%)</i>

Tổng số tín chỉ:

133 tín chỉ

3. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

[illegible]

18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2																				X	
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2																				X	
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2																				X	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			88																					
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			36																					
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc			32																					
1	CSCS11	Chính sách công	3		X		X											X				X	X	
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2		X		X											X	X				X	
3	QLMS03	Đầu thầu mua sắm 1	3		X		X		X									X						X
4	ĐNQTT15	Đầu tư quốc tế	3		X		X	X		X	X		X	X	X	X	X	X	X			X	X	
5	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3				X			X					X			X					X	
6	TOKT05	Kinh tế lượng	3			X												X					X	
7	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3			X	X	X											X				X	
8	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3				X												X				X	
9	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3			X											X	X				X		
10	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			X		X										X			X		X	
11	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3						X		X						X	X		X			X	
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn			4																					
1	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	3		X					X			X					X	X			X		
2	KHCO09	Đầu tư công	3		X					X			X					X	X			X		
3	TCKH04	Kế toán tài chính	3			X												X				X		
4	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3			X	X	X											X					X
5	TCCO21	Quản lý tài chính công	3		X	X												X	X			X		
6	QTCL01	Quản trị chiến lược	3			X	X							X	X			X	X			X	X	
7	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3		X								X					X	X			X		
8	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3			X												X	X				X	
9	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3		X												X	X				X		
10	TCTH11	Thuế	3		X		X		X	X							X						X	
2.2. Kiến thức ngành			13																					
2.2.1. Ngành bắt buộc			9																					
1	KHKT11	Kinh tế phát triển	2					X										X	X			X	X	
2	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3					X										X	X		X	X	X	
3	ĐNQTT13	Kinh tế quốc tế 1	2					X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X			X	X
4	ĐNQTT14	Kinh tế quốc tế 2	2					X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X			X	X

[illegible]

10. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Giáo dục đại cương			45	
1	TOCC01	Toán cao cấp 1	2	1
2	TOCC02	Toán cao cấp 2	2	2
3	THĐL04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	2
4	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
5	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	THNL01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	3	1
8	THNL02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	2
9	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
10	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	4
11	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
12	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
13	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	2
14	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2	1
15	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2	2
16	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2	3
17	NNCS10	Tiếng Anh tổng quát 1	3	1
18	NNCS11	Tiếng Anh tổng quát 2	3	2
19	NNCS12	Tiếng Anh tổng quát 3	3	3
20	NNCS13	Tiếng Anh tổng quát 4	3	4
2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành			32	
1	CSCS11	Chính sách công	3	5
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	4
3	QLMS03	Đầu thầu mua sắm 1	3	4
4	ĐNQTT15	Đầu tư quốc tế	3	6
5	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	3
6	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
7	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3	2
8	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3
9	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
10	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	5
11	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	5
3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành			4	
1	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	3	6
2	KHCO09	Đầu tư công	3	5
3	TCKH04	Kế toán tài chính	3	4
4	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	3

5	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	5
6	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	5
7	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	2
8	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	4
9	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	6
10	TCTH11	Thuế	3	7
4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành			9	
1	KHKT11	Kinh tế phát triển	2	5
2	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3	5
3	ĐNQTT13	Kinh tế quốc tế 1	2	5
4	ĐNQTT14	Kinh tế quốc tế 2	2	6
5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành			4	
1	QTMCO2	Marketing căn bản	3	3
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	4
3	QTHO06	Quản trị học	3	4
4	QTHO18	Quản trị học	2	3
6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành			27	
1	TTTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	ĐNĐP06	Đàm phán kinh tế quốc tế	3	7
3	CLCLV14	Logistics và vận tải quốc tế	3	7
4	ĐNMA06	Marketing quốc tế	2	6
5	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3	6
6	LUQT04	Pháp luật kinh tế quốc tế	3	7
7	TCQT13	Tài chính quốc tế	2	7
8	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3	7
9	ĐNTM09	Thương mại quốc tế	2	7
10	ĐNTC05	Toàn cầu hóa và các rủi ro	2	7
7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành			6	
1	ĐNQTT11	Kinh doanh quốc tế	3	6
2	QHMT08	Kinh tế môi trường	3	3
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3	5
4	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	6
5	ĐNTT16	Thư tín thương mại	2	7
6	QTKD14	Thương mại điện tử	3	6
8. Giáo dục chuyên nghiệp – khoá luận tốt nghiệp			6	
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
TỔNG			(Không bao gồm GDTC & GDQP) 133	